

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.265 ÷ 267/TTQT 0514	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 01/07/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K3 ÷ K5 PL01-PL03
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/06/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>			QCVN 51:2017/ BTNMT
		K3	K4	K5	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	47	12	20	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	13.737	29.075	176.209	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	28,8	<2,6	2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	<1,9	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	35,3	<1,1	<1,1	1.000
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26	3,6	2,4	1,4	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26	2,4	1,3	0,89	-

*** Ghi chú:**

- **K3:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-01** Tọa độ X=1174700, Y= 432071.
- **K4:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-02** Tọa độ X=1174788, Y= 432065.
- **K5:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-03** Tọa độ X=1174546, Y= 422970.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.293/TTQT 0558	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 12/07/2024 Trang: 01/01
------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL03). Tọa độ X: 1174459; Y: 422713.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 26/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	<1,0	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	44.460	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	4,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	18,2	1000

* **Ghi chú:**
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Phạm Văn Canh	GIÁM ĐỐC   Lê Tuấn Kiệt
--	---

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE	 
	TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	

B24.294 ÷ 296/TTQT 0559	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 12/07/2024 Trang: 01/01
--	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K1 ÷ K3 KK61-KK63
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 26/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K1	K2	K3
1. Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	<33	<33
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	16	14	18
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	32,5	31,5	31,7
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	58,6	54,6	53,2
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,64	0,69	1,26
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	<33	<33
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	<10	<10
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO [†]	<6750	<6750	<6750
9. Hướng gió °	QCVN 46:2022/BTNMT	TN 220	TN 220	TN 220
10. VOCs (Benzene)* $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	NIOSH Method 1501	<4,0	<4,0	<4,0
11. Chromi 6+ (Cr ⁶⁺) $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	NIOSH Method 7600	<0,0001	<0,0001	<0,0001

***Ghi chú:**

- K1: Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK63). Tọa độ X = 1174464, Y = 422762.
- K2: Không khí khu vực làm nguội tấm thép (KK62). Tọa độ X = 1174481, Y = 422711.
- K3: Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (KK61). Tọa độ X = 1174483, Y = 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG


Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.298/TTQT 0542	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 08/07/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực lò luyện thép (K4). Tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 27/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tb 1h)
1. Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	6,5	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	32,1	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	51,8	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,06	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO [†]	<6750	30.000
9. Hướng gió 0	QCVN 46:2022/BTNMT	TN 220	-

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG	GIÁM ĐỐC
	 
Phạm Văn Canh	<i>Lê Tuấn Kiệt</i>

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B24.299/TTQT 0543	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 08/07/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

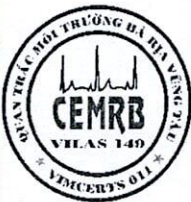
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cán nóng (K7). Tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 27/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (th 1h)
1. Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	6,4	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	32,5	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	46,9	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,79	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO [†]	<6750	30.000
9. Hướng gió 0	QCVN 46:2022/BTNMT	TN 220	-

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG Phạm Văn Canh	GIÁM ĐỐC Lê Tuấn Kiệt
---	---

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.300/TTQT 0544	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 08/07/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực văn phòng của Nhà máy (K3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174491, Y = 422323.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 27/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tb 1h)
1. Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	<1,0	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	32,5	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	59,6	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,61	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO [†]	<6750	30.000
9. Hướng gió 0	QCVN 46:2022/BTNMT	TN 220	-

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

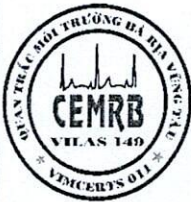
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**


Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.301/TTQT 0545	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 08/07/2024 Trang: 01/01
------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Bắc Nhà máy khoảng 500m (K1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174330, Y = 422169.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 27/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tb 1h)
1. Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	<1,0	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	31,8	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	56,6	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,63	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO [†]	<6750	30.000
9. Hướng gió 0	QCVN 46:2022/BTNMT	TN 220	-

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**


Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.302/TTQT 0546	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 08/07/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Tây Nam Nhà máy khoảng 500m (K2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175230, Y=422818.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 27/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tb 1h)
1. Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	<1,0	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	32,3	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	52,0	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,18	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO [†]	<6750	30.000
9. Hướng gió 0	QCVN 46:2022/BTNMT	TN 220	-

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Phạm Văn Canh	GIÁM ĐỐC   Lê Tuấn Kiệt
---	---

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B24.263/TTQT 0524	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/07/2024 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Mẫu đất tại điểm ven đường giao thông cách công nhà máy 20- 50m.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 18/06/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chì (Pb)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A & US EPA Method 200.7	59,4
2. Crôm (Cr)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A & US EPA Method 200.7	25,4
3. Kẽm (Zn)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A & US EPA Method 200.7	11,8
4. Tổng dầu**	mg/kg KLK	US EPA Method 9071B & SMEWW 5520E:2023	KPH (<MDL= 25)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h50.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

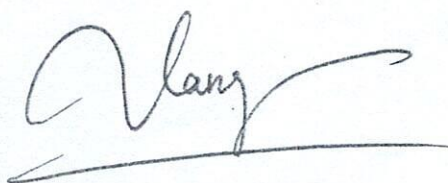
Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KLK: Khối lượng khô.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH



Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B24.264/TTQT 0525	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/07/2024 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : **Mẫu đất tại ven mương dẫn nước thải từ nhà máy đến trạm xử lý nước thải của KCN Mỹ Xuân A2.**
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : **18/06/2024.**
Date of receive sample
3. Khách hàng : **Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.**
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chì (Pb)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A & US EPA Method 200.7	65,4
2. Crôm (Cr)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A & US EPA Method 200.7	18,2
3. Kẽm (Zn)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A & US EPA Method 200.7	KPH (<10,5)
4. Tổng dầu**	mg/kg KLK	US EPA Method 9071B & SMEWW 5520E:2023	KPH (<MDL= 25)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h30.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

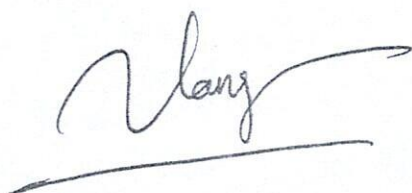
KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KLK: Khối lượng khô.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B24.273/TTQT 0540	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 08/07/2024 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại cống xả nước thải nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2. Tọa độ: X: 01174679; Y: 00422207.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 20/06/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. COD*	mg/l	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)
2. Tổng dầu mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2023	KPH (<3,0)
3. Amoni (NH ₄ ⁺ , tính theo N)*	mg/l	TCVN 6179-1 :1996	2,43
4. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	20
5. BOD ₅ (ở 20°C)*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
6. Crôm III (Cr ³⁺)	mg/l	Tk: TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,030)
7. Crôm (Cr)*	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2023	KPH (<0,030)
8. Tổng Nitơ (T-N)*	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
9. Tổng photpho (T-P)*	mg/l	TCVN 6202:2008	0,021
10. Cadimi (Cd)	mg/l	USEPA Method 3015A & USEPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
11. Chì (Pb)	mg/l	USEPA Method 3015A & USEPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
12. Niken (Ni)*	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2023	KPH (<0,050)
13. E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&G:2023	(-) (<2,0)
14. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	35,4
15. Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	1,3
16. pH		TCVN 6492:2011	6,8
17. Oxi hòa tan (DO)**	mg/l	TCVN 7325:2016	5,6

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B24.273/TTQT 0540	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 08/07/2024 Trang (Page): 02/02

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
18. Crôm VI (Cr ⁶⁺) mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)
19. Đồng (Cu)* mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2023	KPH (<0,050)
20. Kẽm (Zn)* mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2023	KPH (<0,050)
21. T – Coliform MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	(-) (<2,0)
22. Nitrat (NO ₃ -, tính theo N)*** mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ - .E:2017	2,5

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h10.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

(**): Chỉ tiêu không được chứng nhận Vimcert, kết quả chỉ để tham khảo.

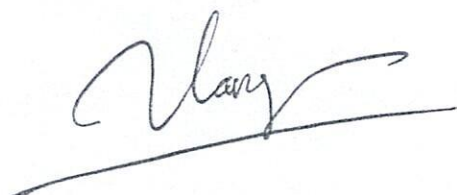
(***): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

KPH: Không phát hiện.

(-): Âm tính.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH



Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.282/TTQT 0515	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 01/07/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói của xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội CAL01. Toạ độ X: 1174622; Y: 422805.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 24/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	<1,0	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	146.323	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	18,3	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	94	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	31,9	1.000

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

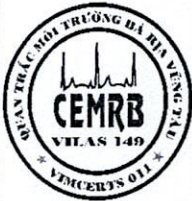


Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE	 
	TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	

B24.283/TTQT 0516	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 01/07/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói của xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội CAL02. Tọa độ X: 1174591; Y: 422831.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 24/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	<1,0	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	8.716	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

*** Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.259 - 260/TTQT 0513	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 01/07/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo Measurement Location	: K1 – K2 ARP01-ARP02
2. Ngày đo Date of measurement	: 18/06/2024.
3. Khách hàng Customer	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo Measurement result	:

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result		QCVN 51:2017/ BTNMT
		K1	K2	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	17	22	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	8.887	5.754	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	115,3	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	59,2	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	53,6	161,9	1000
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26	6,4	7,2	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26	0,81	0,68	-

***Ghi chú:**
K1: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid **ARP-01**. Tọa độ X = 1174643, Y = 423091.
K2: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid **ARP-02**. Tọa độ X = 1174645, Y = 423094.
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.
(*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ “Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường NAVITEK”.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Phạm Văn Canh	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC   Nguyễn Xuân Sơn
--	---

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B24.274/TTQT 0511	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 28/06/2024 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt tại cầu Rạch Trái, cách 500m về phía thượng nguồn so với
Sample Name điểm xả nước làm mát của nhà máy vào rạch (NM1). Tọa độ: X: 01174643; Y: 00422140.
2. Ngày nhận mẫu : 20/06/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* mg/l	TCVN 6625:2000	21
2. Clorua (Cl)* mg/l	TCVN 6194:1996	5377
3. Nhiệt độ °C	SMEWW 2550B:2023	30,8
4. Độ đục NTU	SMEWW 2130B:2023	21,9

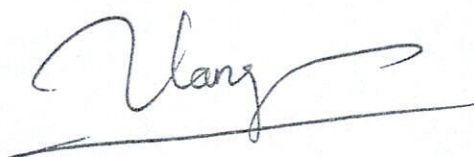
Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 12h30.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B24.275/TTQT 0512	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 28/06/2024 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt sông Thị Vải, cách 100m về phía hạ nguồn so với điểm đo
Sample Name nước làm mát của nhà máy vào sông (NM2). Tọa độ: X: 01174629;
Y: 00422100.
2. Ngày nhận mẫu : 20/06/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	19
2. Clorua (Cl ⁻)*	mg/l	TCVN 6194:1996	4688
3. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,7
4. Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	22,4

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 12h40.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

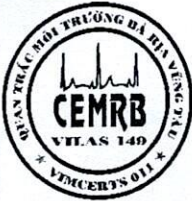
Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC


Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.261/TTQT 0500	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 26/06/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ ACL01. Tọa độ X: 1174459; Y: 422844.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 18/06/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	15	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	3.386	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	21,0	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	20,5	1000

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B24.262/TTQT
0501

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT MONITORING REPORT

Ngày: 26/06/2024
Trang: 01/01

1. Vị trí đo : Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép
Measurement Location điện từ ACL02. Toạ độ X: 1174465; Y: 422748.
2. Ngày đo : 18/06/2024.
Date of measurement
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả đo :
Measurement result

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	22	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	12.102	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	13,1	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	114,3	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	71,8	1000

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.268/TTQT 0502	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 26/06/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khu vực QA/QC. QA-01
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/06/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>		Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 17	17	200
2. Lưu lượng	m ³ /h	US EPA 02	5.359	-
3. Khí SO ₂	mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
4. Khí NO _x	mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	9,8	850
5. Khí CO	mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	7,9	1.000

***Ghi chú:**
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B24.269/TTQT 0503	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 26/06/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói lò hơi BOI-02. Toạ độ X: 1174616; Y: 422923.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/06/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	24	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	19.557	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	95,7	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	26,2	1.000

***Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG Phạm Văn Canh	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Xuân Sơn
---	--

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.270 ÷ 272/TTQT 0504	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 26/06/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo Measurement Location	: K6 ÷ K8. 01-03
2. Ngày đo Date of measurement	: 19/06/2024
3. Khách hàng Customer	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo Measurement result	:

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result		
		K6	K7	K8
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	83,3	83,1	67,5
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878-2:2018	84,9	84,9	71,1
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878-2:2018	81,7	81,7	65,4

***Ghi chú:**

- K6: Tiếng ồn tại khu vực trống phủ ACL01 (O1). Tọa độ X: 1174481; Y: 422781.
- K7: Tiếng ồn tại khu vực trống phủ ACL02 (O2). Tọa độ X: 1174485; Y: 423781.
- K8: Tiếng ồn tại khu vực trống phủ ACL03 (O3). Tọa độ X: 1174483; Y: 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	---	--

B24.276 ÷ 278/TTQT 0505	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 27/06/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K9 ÷ K11. ON1-NO3
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 20/06/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K9	K10	K11
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	51,3	52,9	59,2
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878-2:2018	69,9	65,5	75,7
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878-2:2018	45,0	48,3	49,5

***Ghi chú:**

- **K9:** Tiếng ồn tại khu vực Administration Office ADM (**ON1**).

- **K10:** Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 400 - 500m về phía Đông Bắc (**ON2**). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174378, Y = 423197.

- **K11:** Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 500m về phía Đông Nam (**ON3**). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1175230, Y = 422818.

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sạch, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	--	---

B24.279/TTQT 0506	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 27/06/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL01). Tọa độ X: 1174941; Y: 422776.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 20/06/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	13	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	51.923	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,1	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	1,1	1.000

***Ghi chú:**
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

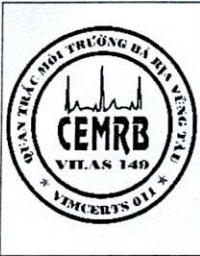


Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.280/TTQT 0507	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 27/06/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL02). Tọa độ X: 1174898; Y: 422793.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 20/06/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	17	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	29.579	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

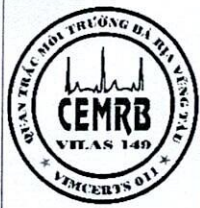


Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.281/TTQT 0508	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 27/06/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	:	Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL03). Toạ độ X: 1174875; Y: 422633.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	:	20/06/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	:	Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:	

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	<1,0	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	10.078	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Phạm Văn Canh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn